

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tự do tín ngưỡng

TS. TRẦN THỊ THÚY NGỌC

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam; Email: tranthuyngoc1@yahoo.com

Tóm tắt: Tư tưởng Hồ Chí Minh là đỉnh cao của văn hóa Việt Nam, là kết tinh của truyền thống tốt đẹp của văn hóa Việt Nam qua mấy ngàn năm lịch sử. Tư tưởng về tự do tín ngưỡng là một bộ phận có vị trí độc đáo trong tư tưởng của Người. Quan điểm tự do tín ngưỡng của Người luôn gắn liền phân đấu và phân đạo, đây là điểm khác biệt căn bản so với tự do tín ngưỡng dưới chế độ tư bản. Đây là một trong những nét đặc sắc nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo. Cho đến nay, tư tưởng tự do tín ngưỡng tôn giáo của Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên giá trị, là cơ sở lý luận cũng như bài học quý báu cho Đảng và Nhà nước Việt Nam vận dụng trong xây dựng chính sách tôn giáo hiện nay.

Từ khóa: tư tưởng Hồ Chí Minh, tự do tín ngưỡng.

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tự do tín ngưỡng

Năm 1843, trong bài Về vấn đề Do Thái, C.Mác đã khẳng định quyền tín ngưỡng là một quyền tự do phổ biến của con người, quan điểm của C.Mác cũng là quan điểm chung của người cộng sản, quan điểm này được xây dựng trên những căn cứ thực tế của lịch sử. Trong điều kiện xã hội mà ở đó con người chưa tự quyết định các hoạt động trong cuộc sống của mình thì việc xuất hiện tôn giáo là một tất yếu, cần phải làm thế nào để cải tạo, thay đổi xã hội trần thế.

Tư tưởng về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một bước tiến rất quan trọng của con người, đánh dấu sự thoát khỏi sự áp bức của thần quyền giáo hội, sự nô dịch về mặt tinh thần đối con người trong màn đêm tôn giáo, là thành quả của cuộc đấu tranh giành tự do của nhân loại tiến bộ. Tư tưởng tự do trong đó có tự do tín ngưỡng, tôn giáo là thành quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của nhân loại mà thành quả đó chỉ có được bắt đầu từ sau thắng lợi của cách mạng tư sản dân quyền. Tư tưởng tự do tín ngưỡng xuất hiện trong cuộc cách mạng tư sản và được thừa nhận trong xã hội tư bản. Tuy nhiên, quyền tự do tín ngưỡng trong chủ nghĩa tư bản đều phục vụ cho giai cấp tư sản, hơn nữa giai cấp tư sản còn lợi dụng tôn giáo để duy

trì trật tự đẳng cấp, giai cấp trong xã hội tư bản.

2. Sự kế thừa và vận dụng tư tưởng tự do tín ngưỡng của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các tư tưởng trong lịch sử, coi quyền tự do tín ngưỡng là quyền của con người, là quyền dân chủ; quyền này được pháp luật đảm bảo và đây là nguyên tắc căn bản đã được Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện xã hội Việt Nam với nhiều đóng góp mới. Tư tưởng tự do tín ngưỡng của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện nhất quán trong lý luận cũng như thực tiễn, trở thành nền tảng xuyên suốt trong chính sách đối với tôn giáo của Đảng Cộng sản và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh tín ngưỡng tự do và lương giáo đoàn kết. Quan điểm này kế thừa mặt tích cực của tư tưởng tự do tín ngưỡng tư sản, quyền này được luật pháp đảm bảo, nhưng quan điểm tự do tín ngưỡng của Hồ Chí Minh khác hẳn về chất so với tự do tín ngưỡng tư sản. Hồ Chí Minh cho rằng, tự do tín ngưỡng chỉ có được khi con người được tự do hoàn toàn nói rõ hơn là con người không bị kìm kẹp nô dịch, áp bức bóc lột, hay tự do tín ngưỡng chỉ có được khi đất nước được hoàn toàn giải phóng, được độc lập. Tự do tín ngưỡng ở đây gắn với lợi ích của toàn thể dân tộc.

Khi đất nước bị thực dân Pháp xâm lược, đất nước mất độc lập dân tộc, như thế thì không thể có tự do tôn giáo được. Tức là phải có độc lập dân tộc mới có được tự do tín ngưỡng, tôn giáo; nước có độc lập thì tôn giáo mới được tự do và ngược lại, dân tộc nô lệ thì tôn giáo cũng không thể có được tự do; độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết cho tự do tín ngưỡng. Do đó, làm cho nước nhà được độc lập là hành động, nghĩa vụ và trách nhiệm của toàn dân trong đó bao gồm cả đồng bào có đạo.

Ngay sau khi nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới ra đời, ngày 3/9/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký nhiều sắc lệnh bảo vệ tự do, tín ngưỡng tôn giáo. Khi nước nhà tuyên bố độc lập, thay mặt Chính phủ lâm thời Người đề nghị "Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương, để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: Tín ngưỡng tự do và Lương Giáo đoàn kết"⁽¹⁾. Trong hiến pháp năm 1946, điều 10 đã ghi quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, tự do thờ cúng của công dân "mọi công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng" Quyền tự do tín ngưỡng là quyền dân chủ, được pháp luật thừa nhận, nhưng phải đi đôi với nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân. Hồ Chí Minh thường nhấn mạnh: tự do tín ngưỡng và lương giáo đoàn kết, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng được thừa nhận một cách đúng đắn, lành mạnh. Điều này khác hẳn với tự do tín ngưỡng trong xã hội tư bản, mặc dù tuyên bố tự do tín ngưỡng nhưng vẫn có sự ưu ái với một tôn giáo nhất định nào đó và tôn giáo vẫn được giai cấp cầm quyền lợi dụng để phục vụ cho sự thống trị của mình chứ không phải phục vụ cho nhân dân.

Khi đất nước bị thực dân Pháp đô hộ, chính quyền thực dân Pháp ở Việt Nam đã lợi dụng tôn giáo để áp bức bóc lột, để cướp nước, ngay trong bản thân một tôn giáo cũng có sự phân biệt đối xử; khinh miệt giáo dân, linh mục người bản xứ, bắt ép giáo dân chống lại cách mạng Việt Nam: "...cách đối đãi với linh mục và bà phước người châu Âu hơn linh mục và bà phước người Việt

Nam...Chúng cấm đồng bào Công giáo tham gia những đoàn thể yêu nước. Chúng ép đồng bào Công giáo tham gia những tổ chức phản động... Chúng đã phá hoại bao nhiêu nhà thờ, cướp bóc bao nhiêu đồng bào Công giáo, hãm hiếp bao nhiêu phụ nữ Công giáo, bắt bớ và bắn giết bao nhiêu cha cô Việt Nam..⁽²⁾.

Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập, mặc dù kẻ địch luôn lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng Việt Nam, nhưng Hồ Chí Minh luôn đấu tranh không khoan nhượng với những kẻ lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để tuyên truyền kích động quần chúng chống phá cách mạng, vu khống cho những người cộng sản. Những kẻ đi ngược lại lợi ích chân chính của dân tộc, làm tay sai cho giặc ngoại xâm, sẽ không phải là tín đồ chân chính, bởi mục đích của các tôn giáo cũng như những nhà sáng lập tôn giáo đều muốn cho con người được giải thoát, hòa bình, đi đến bến bờ hạnh phúc. Nội dung tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng còn bao hàm nội dung chống âm mưu, hoạt động lợi dụng tôn giáo để trục lợi cho cá nhân trái với lợi ích chân chính của dân tộc. Tự do tín ngưỡng nhằm đảm bảo quyền tự do của cá nhân không ảnh hưởng, gây nguy hại cho người khác, đặc biệt là xã hội. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, một dân tộc luôn phải đối mặt với các thế lực ngoại xâm, chúng dùng mọi thủ đoạn công kích đến thành trì cách mạng, trong đó được sử dụng nhiều nhất là vấn đề lợi dụng tôn giáo, thì việc chống âm mưu, thủ đoạn lợi dụng tôn giáo có ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt, với cách tư duy như thế làm cho quyền tự do được hiểu và thực thi một cách có đúng đắn, phù hợp với yêu cầu xã hội.

Đối với đồng bào có đạo, Hồ Chí Minh tuyên truyền vận động để họ hiểu và tin tưởng vào đường lối chủ trương đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về tự do tín ngưỡng để từ đó đồng bào có đạo thêm tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng. Quan điểm của Hồ Chí Minh về tự do tín ngưỡng thể hiện sự kiên quyết, nhưng đầy tính nhân văn: Đối với kẻ địch lợi dụng tôn giáo để chống phá

cách mạng thì kiên quyết trừng trị. Người khẳng định: “Bảo vệ tự do tín ngưỡng nhưng kiên quyết trừng trị những kẻ đội lốt tôn giáo để phản chúa, phản nước”^(p). Người luôn nhấn mạnh bảo vệ tự do tín ngưỡng, nhưng kiên quyết trừng trị kẻ đội lốt tôn giáo để phản Chúa, phản nước; tuy nhiên, nếu đồng bào có đạo do nhẹ dạ cả tin chẳng may bị kẻ thù lợi dụng, kích động vi phạm chính sách tự do tín ngưỡng tôn giáo thì cần phải kiên trì giáo dục, thuyết phục.

Để thể chế hóa quan điểm tự do tín ngưỡng tôn giáo trong hiến pháp và Hồ Chí Minh đã ban hành nhiều sắc lệnh về vấn đề này, đặc biệt là Sắc lệnh số 234-SL ngày 14/6/1955 gồm 5 chương, 16 điều do Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký, đây là văn bản mang tính pháp luật khá hoàn chỉnh thể hiện sự thể chế hóa cơ bản nhất về quyền tự do tôn giáo ở Việt Nam, chứa đựng tính nhân đạo, nhân văn sâu sắc. Trong điều 15 của Sắc lệnh còn thừa nhận Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa coi việc tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng là một quyền lợi của nhân dân, cần được tôn trọng và giúp đỡ nhân dân thực hiện nó. Ở đây, Hồ Chí Minh không chỉ thừa nhận, yêu cầu thực hiện quyền tự do đó, mà ưu việt hơn Người còn xem đây là một quyền lợi của người dân - đây chẳng phải tính nhân đạo, nhân văn trong tư tưởng nhân cách của Hồ Chí Minh hay sao. Nội dung của Sắc lệnh 234-SL đảm bảo sinh hoạt tôn giáo phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của xã hội Việt Nam, phù hợp với thông lệ và luật pháp quốc tế trong mô hình nhà nước thế tục. Điều 18 của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người đã ghi: “mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, nhận thức và tôn giáo” Cách nhìn, tầm tư duy của Hồ Chí Minh vượt lên cái nhìn tả khuynh về tôn giáo phổ biến trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế thời kỳ đó. Sắc lệnh 234-SL so với hiến pháp năm 1936 của Liên Xô “bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng công dân, nhưng đồng thời cũng đảm bảo quyền tự do tuyên truyền chống tôn giáo” Khi ấy, ở Liên Xô vấn đề tôn giáo - nhất là đạo Chính thống là công cụ để nô dịch kìm kẹp tinh thần quần chúng. Các phái phản động cố gắng

làm cho tôn giáo hoạt động sôi nổi hẳn lên, hòng thông qua tuyên truyền tôn giáo để lôi kéo quần chúng nhân dân ra khỏi cuộc đấu tranh cách mạng, sử dụng tư tưởng tôn giáo để củng cố chế độ Nga hoàng. Trước thực trạng đó, Lênin ý thức rất rõ thái độ của Đảng Cộng sản đối với tôn giáo là vấn đề cực kỳ quan trọng và bức thiết. Vì vậy, theo Lênin những người cộng sản phải đấu tranh chống tôn giáo để bác bỏ uy quyền của tôn giáo khi được coi là chân lý tuyệt đối, duy nhất, để giành lại quyền đó cho khoa học và triết học duy vật biện chứng. Từ rất sớm, VI.Lênin đã phát triển các luận điểm mác-xít về tự do tín ngưỡng. VI.Lênin đã nhấn mạnh rằng, người cộng sản đòi hỏi sự tách biệt giáo hội khỏi nhà nước, nhà thờ khỏi trường học, bảo đảm tự do tín ngưỡng, mọi công dân có quyền lựa chọn tôn giáo, đồng thời xóa bỏ tình trạng giáo hội “thống soái” mọi tín ngưỡng, giáo hội đều bình đẳng với nhau. VI.Lênin đã khẳng định quan điểm mác-xít về lập trường, phương pháp giải quyết vấn đề tôn giáo: Giai cấp vô sản tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của quần chúng. Tôn giáo là việc tư nhân đối với nhà nước, chứ không phải là việc tư nhân đối với các Đảng của giai cấp công nhân. Luận điểm có tính chất cương lĩnh đầu tiên của Đảng Bôn-sê-vích Nga về tôn giáo được VI.Lênin nêu ra trong bài báo Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo (1905): Nhà nước không được dính đến tôn giáo, các đoàn thể tôn giáo không được dính đến chính quyền nhà nước. Bất kỳ ai cũng được hoàn toàn tự do theo tôn giáo mà mình thích, hoặc không thừa nhận một tôn giáo nào, nghĩa là người vô thần, như bất cứ người xã hội chủ nghĩa nào cũng thường là người vô thần. Mọi sự phân biệt quyền lợi giữa những công dân có tín ngưỡng tôn giáo khác nhau hoàn toàn không thể dung thứ được⁽⁴⁾.

Điều 13, chương IV trong sắc lệnh 234- SL của nước ta năm 1955 có ghi rõ “Chính quyền không can thiệp vào nội bộ các tôn giáo” Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của các nhà nước thế tục. Hơn nữa, cũng trong điều 13 còn ghi rõ “riêng về Công giáo, quan hệ tôn giáo giữa Giáo

hội Việt Nam với tòa thánh La Mã là vấn đề nội bộ của Công giáo□

Như vậy, quan điểm tự do tín ngưỡng của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn gắn liền phần đời với phần đạo, đây chính là điểm khác biệt căn bản so với tự do tín ngưỡng trong xã hội tư bản - cách giải quyết rất hữu hiệu khi giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam. Đây là một trong những nét đặc sắc nhất của tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo. Theo Hồ Chí Minh không phải để ràng buộc con người với tôn giáo mà mục đích chính là con người được giải phóng; việc kết hợp, quan tâm đến phần đạo với phần đời chính là con đường đưa đồng bào có đạo từng bước giải thoát họ khỏi những thiên kiến tôn giáo, đó cũng chính là con đường tiến tới tự do của đồng bào có đạo. Mục đích không phải ràng buộc con người với tôn giáo; mà là thông qua hoạt động thực tiễn để từng bước biến đổi ý thức, từng bước giải thoát con người khỏi những thiên kiến tôn giáo. Hồ Chí Minh nêu rõ quan điểm tôn trọng, bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không theo tôn giáo của nhân dân, đồng thời cũng phân biệt rất rõ tín ngưỡng chân chính của tôn giáo với những kẻ lợi dụng tôn giáo. Người không chỉ tôn trọng đời sống Đức tin của người có tôn giáo, mà còn tách biệt mặt chính trị trong thực tiễn đời sống tôn giáo. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh con người tôn giáo bất kể thuộc tôn giáo nào, ở họ có hai con người: con người công dân và con người tôn giáo tuyệt đối tôn trọng, không tranh biệt lý thuyết, đây là một tư tưởng rất nhân văn.

Trong tiến trình cách mạng Việt Nam, do có định hướng đúng đắn tư tưởng tự do tín ngưỡng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nên khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố vững chắc, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp dân cư. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã tiến hành sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, làm thất bại âm mưu của các thế lực phản động lợi dụng tôn giáo. Cho đến nay, tư tưởng tự do tín ngưỡng tôn giáo của Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên giá trị, là cơ sở lý luận cũng như bài học quý báu cho

Đảng và Nhà nước Việt Nam vận dụng trong xây dựng chính sách tôn giáo hiện nay. Và điều đó được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng trong điều 70 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 nêu rõ: [Công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Những nơi thờ tự của tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước□(1)].

Tóm lại, vận dụng sáng tạo học thuyết mác-xít về tôn giáo vào hoàn cảnh Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh tự do tín ngưỡng tôn giáo và tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng. Tư tưởng về tự do tín ngưỡng là một bộ phận trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh. Quan điểm tự do tín ngưỡng, tôn giáo luôn gắn phần đời với phần đạo, chống lại tư tưởng tả khuynh khi đánh giá về tôn giáo của một số Đảng Cộng sản nửa cuối thế kỷ XX. Tự do tín ngưỡng để đạt đến sự đồng thuận xã hội; đoàn kết tôn giáo để thực hiện đại đoàn kết dân tộc. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tín ngưỡng, tôn giáo thấm đậm tư tưởng nhân văn sâu sắc, xét đến cùng là vì sự nghiệp giải phóng con người, xây dựng một xã hội mới để tiến tới một [thiên đường] nơi trần thế. Đóng góp đầu tiên của Hồ Chí Minh sau Cách mạng tháng Tám chính là việc khẳng định quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng cho mọi công dân và sự bình đẳng dân tộc, tôn giáo mà luật pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày càng thể chế rõ hơn. Cho đến nay, tư tưởng của Hồ Chí Minh về tự do tín ngưỡng vẫn giữ nguyên giá trị, là tư duy, là bài học quý báu cho Đảng và Nhà nước Việt Nam trong xây dựng chính sách tôn giáo hiện nay./.

(1) Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, H., T.4, tr.9.

(2) *Báo Nhân dân*, ngày 27/12/1951

(3) *Báo Nhân dân*, ngày 16-20/10/1953

(4) VI.Lênin (1979), *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ Matxcovo, T.1, tr.171.

(5) *Hiến pháp Việt Nam năm 1992*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H., tr.48.